台北海洋科技大學
面試注意事項公告

為完成招生甄選程序，台北海洋科技大學將針對已完成報名之學生辦理實體面試。茲將招生說明會暨面試相關時程及注意事項公告如下：

一、面試資訊

項目	內容
學校名稱	台北海洋科技大學（Taipei University of Marine Technology，TUMT）
說明會暨面試日期	11 月 29 日（星期日）及 11 月 30 日（星期一）
面試時間	上午：08:15－12:00 下午：13:15 起至當日面試結束
面試地點	**R1.6 khu đô thị Eden Rose, phường Thanh Liệt, Hà Nội**

二、必備面試資料

每位學生參加面試時，務必攜帶以下資料：

1. 學校報名表（須貼妥個人照片）。
2. 一份完整的申請文件影本，內容須比照申請簽證所需之文件資料（暫不需附上體檢報告可）。

未攜帶完整資料者，將取消面試資格，並自面試名單中刪除。

申請文件影本請依照以下順序排列：

1. 最高學歷畢業證書影本（須經越南外交部領事局驗證）。
2. 歷年成績單影本（須經越南外交部領事局驗證）。
3. 高中三年成績證明影本，或自高中成績查詢系統下載之各學年成績紀錄。
4. 外語能力證明影本。
5. 存款證明或銀行存摺影本。
6. 讀書計畫（須親筆簽名），中文或英文版本影本。
7. 護照影本（如有）。
8. 越南公民身分證（CCCD）及電子身分證明影本。

三、學生面試注意事項

1. 準時出席： 請於預定面試時間至少提前 15 分鐘抵達說明會及面試地點。

2. 服裝儀容： 請穿著深色長褲，搭配白色或淺色素面襯衫，不得有明顯圖案。整體服裝應整齊、端莊、大方。

3. 面試態度： 請保持儀容整潔、頭髮俐落，手機應調整為靜音模式。與面試人員交談時應有禮貌，回答問題時務必誠實、自然並保持自信。

4. 面試時段： 詳細面試名單及個別面試時間將另行公告，請學生留意後續通知，並依照指定時段（上午或下午）準時參加面試。

請各位學生務必確實遵守上述規定，並事先備妥所有相關文件，以確保招生說明會及面試作業順利進行。

預祝各位面試順利，取得理想的甄選結果！

特此公告！

THÔNG BÁO

LỊCH HỘI THẢO VÀ PHỎNG VẤN TUYỂN SINH

Đại học Công nghệ Hàng hải Đài Bắc (TUMT)

Kính gửi: Các Quý Đối tác và các em học sinh

Nhằm hoàn tất quy trình xét tuyển, Đại học Công nghệ Hàng hải Đài Bắc sẽ tổ chức buổi phỏng vấn trực tiếp đối với các học sinh đã đăng ký. Chúng tôi trân trọng thông báo lịch hội thảo và phỏng vấn cùng các yêu cầu cần thực hiện như sau:

I. THÔNG TIN PHỎNG VẤN

Trường	**Đại học Công nghệ Hàng hải Đài Bắc** – Taipei University of Marine Technology (TUMT) – 台北海洋科技大學
Ngày hội thảo và phỏng vấn	**Ngày 29/11 (chủ nhật) và ngày 30/11 (thứ 2)**
Thời gian	**Sáng từ 8h15 – 12h00** **Chiều từ 13h15 – kết thúc**
Địa điểm	**R1.6 khu đô thị Eden Rose, phường Thanh Liệt, Hà Nội**

II. HỒ SƠ BẮT BUỘC MANG THEO

Mỗi học sinh khi đến phỏng vấn BẮT BUỘC phải mang theo:

1. **Form đăng ký trường có dán ảnh**
2. **01 bộ hồ sơ photo hoàn chỉnh**, tương tự bộ hồ sơ nộp xin visa (chưa cần kết quả khám sức khỏe).

Học sinh không mang theo đầy đủ sẽ bị gạch tên khỏi danh sách và không được tham gia phỏng vấn.

- **Bộ hồ sơ photo bao gồm các giấy tờ sau, xếp theo đúng thứ tự:**

1. Bằng học lực cao nhất có xác nhận tại Cục lãnh sự bộ ngoại giao bản photo
2. Học bạ có xác nhận tại Cục lãnh sự bộ ngoại giao bản photo
3. Cam kết điểm cấp 3 THPT bản photo hoặc kết quả các năm học tải về trên hệ thống tra điểm THPT
4. Chứng chỉ ngoại ngữ bản photo
5. Sổ tiết kiệm bản photo
6. Kế hoạch học tập (có ký tên) bản photo tiếng Trung hoặc tiếng Anh
7. Hộ chiếu photo (nếu có)
8. CCCD và CCCD điện tử bản photo

III. LƯU Ý DÀNH CHO HỌC SINH

- **Đúng giờ:** Có mặt tại địa điểm hội thảo trước giờ hẹn ít nhất 15 phút
- **Trang phục:** Quần tối màu, áo sơ mi trắng hoặc màu sáng, không có họa tiết; ăn mặc chỉnh tề, gọn gàng và lịch sự.
- **Tác phong:** Đầu tóc gọn gàng, để điện thoại ở chế độ im lặng, giao tiếp lễ phép và trả lời trung thực, tự tin.
- **Danh sách phỏng vấn cụ thể sẽ được gửi sau thông báo, học sinh chú ý tham gia đúng khung giờ (sáng – chiều)**

Đề nghị các em nghiêm túc thực hiện đầy đủ các yêu cầu trên để buổi phỏng vấn diễn ra thuận lợi. Chúc các em đạt kết quả tốt!

Trân trọng thông báo!

台北海洋科技大學115學年度第2學期新南向產學合作國際專班學生面試名單

Danh sách sinh viên tham gia phỏng vấn Chương trình Hợp tác Quốc tế giữa Ngành Công nghiệp và Học thuật theo Chính sách Hướng Nam Mới, Học kỳ 2, Năm học 2026-2027, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hàng hải Đài Bắc.

●面試日期：日ngày 29 月tháng 11 年năm 2026

●面試地點：R1.6 khu đô thị Eden Rose, phường Thanh Liệt, Hà Nội

●報到時間：早上8：15分、下午13：15分（8:15 sáng và 1:15 chiều）

●申請科系：海洋運動休閒與觀光管理系 觀光餐旅管理國際學生產學合作專班

Ngành Quản lý Thể thao Biển, Giải trí và Du lịch- Chương trình Hợp tác Công nghiệp - Học thuật dành cho Sinh viên Quốc tế ngành Quản trị Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn

●逾時報到者視同放棄面試資格，不得異議。

Thí sinh vui lòng đến đúng giờ theo quy định tại địa điểm được chỉ định để hoàn tất thủ tục báo danh. Thí sinh đến trễ sẽ bị xem như tự từ bỏ tư cách tham dự

序號 Số thứ tự (STT)	姓名 Họ và tên	學生來源國 身分證字號 Số căn cước công	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh	面試日期 Ngày phỏng vấn	面試時間 Thời gian phỏng vấn	面試地點 Địa điểm phỏng vấn
1	HO **** QUYNH ANH	04030800****	女 Nữ	2008/08/13	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
2	THAO **** KIA	00630700****	女 Nữ	2007/08/20	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
3	HOANG **** ANH	04020800****	男 Nam	2008/08/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
4	LE **** NGHIA	04020700****	男 Nam	2007/02/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
5	LUU **** THOA	02430701****	女 Nữ	2007/12/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
6	NGUYEN **** TOAN	04020800****	男 Nam	2008/05/04	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
7	NGUYEN **** LINH	04030701****	女 Nữ	2007/01/20	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội

8	NGUYEN **** DUC THINH	00120500****	男 Nam	2005/04/12	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
9	PHUNG **** THANH THAO	00630800****	女 Nữ	2008/11/29	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
10	PHUNG **** THUY KIEU	00630800****	女 Nữ	2008/05/06	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
11	VI **** PHUONG DY	04030801****	女 Nữ	2008/11/30	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
12	DAM **** HOA	04030601****	女 Nữ	2006/06/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
13	PHAM **** TAM	04020800****	男 Nam	2008/03/20	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
14	NGUYEN **** TUYET MAI	04030800****	女 Nữ	2008/06/13	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
15	DANG **** THAM	04230800****	女 Nữ	2008/11/17	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
16	NGUYEN **** TRUONG	04020801****	男 Nam	2008/09/18	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
17	BUI **** TUAN	01920501****	男 Nam	2005/07/11	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
18	CAO **** HOANG	04020600****	男 Nam	2006/03/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
19	HOANG **** THANH KHUE	03130800****	女 Nữ	2008/05/21	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
20	HOANG **** HOC	02420800****	男 Nam	2008/08/24	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
21	HA **** ANH	02420800****	男 Nam	2008/06/29	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
22	LUAN **** PHUOC	02420501****	男 Nam	2005/02/17	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội

23	LUONG **** NGOC	00630800****	女 Nữ	2008/03/29	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
24	NGUYEN **** THIEN	03120801****	男 Nam	2008/02/27	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
25	NGUYEN **** UYEN	03830800****	女 Nữ	2008/04/04	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
26	NGUYEN **** GIA BAO	04020800****	男 Nam	2008/03/26	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
27	NGUYEN **** CAM CHI	04030700****	女 Nữ	2007/11/29	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
28	NGUYEN **** NGOC ANH	03830700****	女 Nữ	2007/05/15	ngày 29 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
29	TRUONG **** LUC	03720700****	男 Nam	2007/07/10	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
30	NGUYEN **** DUONG	03020800****	男 Nam	2008/10/28	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
31	LE **** NHAN	04020600****	男 Nam	2006/04/03	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
32	VU **** TRANG	03030801****	女 Nữ	2008/09/06	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
33	VU **** HANH	03030800****	女 Nữ	2008/02/01	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
34	HOANG **** THU	04430800****	女 Nữ	2008/07/13	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
35	LUU **** PHUONG	03820600****	男 Nam	2006/11/14	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
36	HOANG **** MAI	03430700****	女 Nữ	2007/02/17	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
37	PHAM **** HIEU	02730800****	女 Nữ	2008/09/04	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội

38	NGUYEN **** LOAN	04030402****	女 Nữ	2004/02/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
39	DANG **** THU	01030800****	女 Nữ	2008/10/22	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
40	TRAN **** KHANH LINH	03130701****	女 Nữ	2007/10/19	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
41	NGUYEN **** LINH	00830700****	女 Nữ	2007/11/16	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
42	BUI **** QUOC	04020801****	男 Nam	2008/04/21	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
43	NGUYEN **** HUNG	02420801****	男 Nam	2008/04/20	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
44	NGUYEN **** NHI	02230800****	女 Nữ	2008/01/26	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
45	NGUYEN **** TRINH	02420400****	男 Nam	2004/05/30	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
46	DAM **** TUYEN	02420500****	男 Nam	2005/04/25	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
47	DOAN **** THU HIEN	02430801****	女 Nữ	2008/10/16	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
48	NGUYEN **** SANG	03020800****	男 Nam	2008/12/02	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
49	LE **** HOANG	20205000****	男 Nam	2005/07/01	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
50	DANG **** VINH	34207004****	男 Nam	2007/08/05	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
51	HOANG **** ANH	33206000****	男 Nam	2006/03/30	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
52	VU **** NGUYEN	33308007****	男 Nam	2008/09/27	ngày 29 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội

台北海洋科技大學115學年度第2學期新南向產學合作國際專班學生面試名單

Danh sách sinh viên tham gia phỏng vấn Chương trình Hợp tác Quốc tế giữa Ngành Công nghiệp và Học thuật theo Chính sách Hướng Nam Mới, Học kỳ 2, Năm học 2026-2027, Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hàng hải Đài Bắc.

●面試日期：日ngày 30 月tháng 11 年năm 2026

●面試地點：R1.6 khu đô thị Eden Rose, phường Thanh Liệt, Hà Nội

●報到時間：早上8：15分、下午13：15分（8:15 sáng và 1:15 chiều）

●申請科系：海洋運動休閒與觀光管理系 觀光餐旅管理國際學生產學合作專班

Ngành Quản lý Thể thao Biển, Giải trí và Du lịch- Chương trình Hợp tác Công nghiệp - Học thuật dành cho Sinh viên Quốc tế ngành Quản trị Du lịch và Nhà hàng - Khách sạn

●逾時報到者視同放棄面試資格，不得異議。

Thí sinh vui lòng đến đúng giờ theo quy định tại địa điểm được chỉ định để hoàn tất thủ tục báo danh. Thí sinh đến trễ sẽ bị xem như tự từ bỏ tư cách tham dự

序號 Số thứ tự (STT)	姓名 Họ và tên	學生來源國 身分證字號 Số căn cước công dân (CCCD)	性別 Giới tính	出生日期 Ngày tháng năm sinh	面試日期 Ngày phỏng vấn	面試時間 Thời gian phỏng vấn	面試地點 Địa điểm phỏng vấn
1	DANG **** NGOC ANH	02430801****	女 Nữ	2008/11/13	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
2	VU **** DIEN	02420800****	男 Nam	2008/02/01	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
3	DUONG **** PHUONG THAO	02430800****	女 Nữ	2008/09/25	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
4	HA **** HIEU	02420700****	男 Nam	2007/12/11	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
5	DAM **** LINH	02430801****	女 Nữ	2008/07/28	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
6	NGO **** NGOC	02430801****	女 Nữ	2008/07/25	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội

7	MUA **** CHU	00220700****	男 Nam	2007/05/28	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
8	NGUYEN **** LAN PHUONG	02430800****	女 Nữ	2008/12/10	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
9	DO **** HUONG	02430800****	女 Nữ	2008/09/22	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
10	TA **** BINH	02530800****	女 Nữ	2008/03/11	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
11	TRAN **** LAN ANH	02430400****	女 Nữ	2004/04/25	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
12	PHAM **** TRUNG	03620801****	男 Nam	2008/06/10	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
13	HOANG **** MAI	02430800****	女 Nữ	2008/11/13	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
14	PHAM **** TRONG	01920800****	男 Nam	2008/10/30	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
15	BUI **** NGOC	00830800****	女 Nữ	2008/11/24	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
16	LE **** NGOC ANH	03030801****	女 Nữ	2008/11/21	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
17	PHAM **** DUNG	03030800****	女 Nữ	2008/07/09	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
18	HA **** HANH	02430800****	女 Nữ	2008/09/26	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
19	NGUYEN **** KIEN	02420701****	男 Nam	2007/08/01	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
20	VO **** THUY LINH	04230800****	女 Nữ	2008/01/04	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
21	TRAN **** TRA	04030802****	女 Nữ	2008/08/19	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
22	NGUYEN **** THANH TRUC	04230700****	女 Nữ	2007/08/25	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội

23	NGUYEN **** QUYNH ANH	04230801****	女 Nữ	2008/07/08	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
24	NGUYEN **** NGOC	07530800****	女 Nữ	2008/01/18	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
25	CAO **** THAO NHI	02430801****	女 Nữ	2008/08/21	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
26	BUI **** VAN	00830800****	女 Nữ	2008/03/03	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
27	NGUYEN **** QUYET	02420801****	男 Nam	2008/01/10	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
28	NGUYEN **** ANH	04030500****	女 Nữ	2005/04/15	ngày 30 tháng 11 năm 2026	08:30	Hà Nội
29	NGUYEN **** QUYEN	04030802****	女 Nữ	2008/12/18	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
30	NGUYEN **** HUY	04020801****	男 Nam	2008/06/24	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
31	NGUYEN **** NHAN	04030802****	女 Nữ	2008/05/01	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
32	NGUYEN **** THANH	04030700****	女 Nữ	2007/05/06	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
33	TRUONG **** VIET HOANG	04020800****	男 Nam	2008/08/20	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
34	NGUYEN **** HA	04020801****	男 Nam	2008/07/21	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
35	DINH **** DANG	04020800****	男 Nam	2008/11/02	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
36	PHAN **** TAI	03020800****	男 Nam	2008/05/22	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
37	BUI **** THU PHUONG	03030800****	女 Nữ	2008/07/31	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
38	NGUYEN **** BICH NHAT	03030801****	女 Nữ	2008/11/21	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội

39	VU **** MANH	03020800****	男 Nam	2008/01/07	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
40	NGUYEN **** TAI	03020800****	男 Nam	2008/07/14	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
41	PHAM **** QUYEN	03020801****	男 Nam	2008/11/04	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
42	NGUYEN **** THANH TAM	02430801****	女 Nữ	2008/09/30	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
43	NONG **** NGHIEP	00830700****	女 Nữ	2007/10/13	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
44	PHAM **** HONG NGAN	04030702****	女 Nữ	2007/04/22	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
45	TRIEU **** THANG	00620700****	男 Nam	2007/10/25	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
46	TRAN **** PHUONG TRANG	08930801****	女 Nữ	2008/11/20	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
47	VI **** ANH	00630400****	女 Nữ	2004/07/15	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
48	VANG **** LUYEN SINH	01230800****	女 Nữ	2008/04/06	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
49	DANG **** CHUYEN	00630800****	女 Nữ	2008/09/28	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
50	DANG **** LANH	00820600****	男 Nam	2006/06/07	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
51	NGUYEN **** DUNG	04020801****	男 Nam	2008/04/07	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
52	BUI **** THAO	04030800****	女 Nữ	2008/02/13	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội
53	NGUYEN **** PHUC	04030802****	女 Nữ	2008/05/05	ngày 30 tháng 11 năm 2026	13:30	Hà Nội